HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2023/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

SỞ TƯ PHÁP
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH

Cơ quan: Sở Tư pháp Tỉnh Bắc Ninh
Email: stp@bacninh.gov.vn
Thời gian ký: 26.07.2023 10:52:08 +07:00

NGHỊ QUYẾT

V/v Quy định chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo, người cao tuổi và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Kết luận số 756-KL/TU ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo, người cao tuổi và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo, người cao tuổi và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng hỗ trợ

1. Phạm vi áp dụng: Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo, người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng hỗ trợ:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội:

- Người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng (gọi chung là người cao tuổi cô đơn);

- Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS; người nhiễm HIV/AIDS không có nguồn thu nhập ổn định hằng tháng (gọi chung là người nhiễm HIV/AIDS);

- Người chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc có vợ nhưng chồng hoặc vợ đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi mà người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất (gọi chung là người đơn thân nuôi con).

Các đối tượng trên phải là thành viên thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương và đang sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Luật Cư trú.

b) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi và các đối tượng trẻ mồ côi, người khuyết tật từ 22 tuổi trở xuống có hoàn cảnh khó khăn đang sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Luật Cư trú.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng

Hỗ trợ thêm hằng tháng cho các đối tượng quy định tại Điểm a, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này để đảm bảo tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 do Chính phủ quy định. Cụ thể là:

1. Đối với người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng; người nhiễm HIV/AIDS. Tổng mức hỗ trợ và trợ cấp xã hội:

a) Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng;

b) Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng;

2. Đối với người đơn thân nuôi con. Tổng mức hỗ trợ và trợ cấp xã hội:

a) Khu vực nông thôn:

- Đối với người nuôi 01 con mức hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Đối với người nuôi 02 con trở lên mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Khu vực thành thị:

- Đối với người nuôi 01 con mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng;

- Đối với người nuôi 02 con trở lên mức hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng.

Mức hỗ trợ trên đã bao gồm mức hỗ trợ theo Nghị quyết này và mức trợ cấp xã hội hằng tháng đang hưởng theo chính sách hiện hành.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi

Hỗ trợ 100% kinh phí tham gia bảo hiểm y tế hằng năm đối với người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Luật Cư trú và chưa tham gia bảo hiểm y tế theo các đối tượng khác.

Điều 4. Chính sách tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy nghề tại cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bắc Ninh

1. Tiếp nhận trẻ em dưới 16 tuổi và đối tượng từ đủ 16 đến 22 tuổi có nguyện vọng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm:

a) Trẻ mồ côi cha hoặc mẹ mà người còn lại là người đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng tại cộng đồng;

b) Trẻ có cha hoặc mẹ là người đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng tại cộng đồng mà người còn lại thuộc một trong các trường hợp: Bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội;

c) Trẻ có cả cha và mẹ là người đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng tại cộng đồng;

d) Đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn gồm: Khuyết tật nặng; có cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích hoặc đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (hoặc đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc);

đ) Trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp gồm: Trẻ em có nguy cơ bị bạo lực gia đình; trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục, thân thể; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em là nạn nhân của tai nạn thương tích hoặc bị bạo lực;

e) Trẻ em tự kỷ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

g) Các đối tượng đang nuôi dưỡng tại Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có nguyện vọng ở lại Trung tâm sẽ được tiếp tục nuôi dưỡng đến năm 22 tuổi;

h) Các đối tượng quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 5 của Nghị định 20/2021/NĐ-CP thuộc diện khó khăn không tự lo được cuộc sống được tiếp tục nuôi dưỡng đến năm 22 tuổi.

2. Mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng đối với các đối tượng:

a) Đối với trẻ mồ côi: Hệ số trợ cấp là 7,0 nhân với mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Đối với các đối tượng còn lại quy định tại khoản 1 Điều này: Hệ số trợ cấp là 4,5 nhân với mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí hỗ trợ tại Nghị quyết này do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết 151/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ, chính sách về an sinh xã hội đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh; bãi bỏ Điểm c, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ cấp xã hội; hỗ trợ kinh phí tham gia bảo hiểm y tế đối với người mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- UBTVQH; Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, CV phòng CT.HĐND, lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Chung